TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/DS-ST.
Ngày: 26/5/2021.
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Ngô Thị Luân.

+ Bà Trần Thị Hằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Văn Cương – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2020/TLST-DS ngày 11/6/2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị D, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn N, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Đình N, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Số 671 H, thị trấn Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

2. Đồng bị đơn:

- Bà Phạm Mỹ H, sinh năm: 1952.
- Ông Nguyễn Thành T, sinh năm: 1985.
- Ông Lê Anh M, sinh năm: 1969.

Tất cả đều trú tại: Thôn 4, xã G, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ngô Thị Nh, sinh năm: 1980.
- Ông Nguyễn Anh T1, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Đội 6, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Trú tại: Thôn 4, xã G, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông N, bà D, bà H, ông T, ông M, bà Nh có mặt, ông T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Đình N trình bày*: Ngày 12/7/2017 bà D có cho bà Phạm Mỹ H, ông Nguyễn Thành T, ông Lê Anh M vay số tiền 5.600.000.000đồng. Số tiền này giao bằng tiền mặt tại nhà bà D, khi giao tiền có cả bà H, ông T, ông M cùng nhận tiền và ký giấy vay tiền, bà H nói vay tiền để mua cây xăng. Chứng cứ bà D khởi kiện là giấy vay tiền ngày 12/7/2017 có chữ ký, chữ viết giữa của bà Phạm Mỹ H, ông Nguyễn Thành T, ông Lê Anh M. Trong giấy này đã thể hiện rõ nội dung vay tiền và trách nhiệm trả nợ.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc đồng bị đơn bà Phạm Mỹ H, ông Nguyễn Thành T, ông Lê Anh M phải trả cho bà Đào Thị D số tiền là 7.180.320.000đồng (Bảy tỷ một trăm tám mươi triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) gồm 5.600.000.000đồng tiền nợ gốc vay ngày 12/7/2017 và 34 tháng nợ lãi là 1.580.320.000đồng.

Đối với số tiền 5.600.000.000đồng bà D chuyển cho bà Nh vào ngày 12/7/2017 là một khoản khác không liên quan gì đến khoản vay bà D khởi kiện bà H, ông M, ông T. Vì vậy, bà D không yêu giải quyết trong vụ án này vì bà không khởi kiện bà Nh. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu khác.

- *Bị đơn bà Phạm Mỹ H trình bày:* Năm 2017 bà Đào Thị D (là con nuôi) và bà Ngô Thị Nh (là con dâu) có thỏa thuận với nhau về việc vay tiền, bà D cho bà Nh vay 5.600.000.000đồng để mua cây xăng ở tỉnh Điện Biên. Sau khi bà D và bà Nh thỏa thuận với nhau xong nhưng do bà Nh ở Điện Biên không có tài sản để thế chấp cho bà D nên bà D có yêu cầu bà, ông Nguyễn Thành T, ông Lê Anh M ký vào giấy vay tiền ngày 12/7/2017 để lỡ sau này có vấn đề gì thì có anh em gia đình can thiệp giải quyết. Lúc đầu ông M không đồng ý ký nhưng do bà D năn nỉ và là anh lớn trong nhà có tiếng nói nên ông M đồng ý.

Sau khi thống nhất thì bà D đưa giấy vay tiền ghi ngày 12/7/2017 thể hiện bà D cho bà H, ông M, ông T vay số tiền 5.600.000.000đồng để mua bán cây xăng, trong vòng 15 ngày sẽ trả. Bà H, ông T, ông M có ký vào giấy vay tiền này nhưng không nhận tiền mặt từ bà D. Sau khi ba người ký vào giấy vay tiền cùng ngày 12/7/2017 thì bà D chuyển tiền qua Ngân hàng cho bà Nh số tiền 5.600.000.000đồng. Hàng tháng bà Nh có chuyển tiền vào cho bà để trả lãi cho bà D nhưng việc trả tiền lãi không có giấy tờ gì nên bà không có ý kiến gì về số tiền lãi mà bà đã trả cho bà D.

Năm 2017 (không nhớ ngày tháng) bà Nh có chuyển khoản trả cho bà D 2.000.000.000đồng. Đến ngày 06/10/2017 bà có vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), chi nhánh Đà Lạt số tiền là 1.000.000.000đồng và bà có đưa cho anh Tâm

trực tiếp mang trả cho bà D tại cổng Ủy ban nhân dân xã Mê Linh, là mẹ con trong gia đình với nhau nên không viết giấy tờ gì. Số tiền 1.000.000.000đồng là tiền của bà nhưng vì bà D đang nợ lãi quá nhiều nên bà vay tiền đưa cho bà D để trang trải nợ nần. Hiện nay bà Nh chỉ còn nợ bà D 2.600.000.000đồng. Vì vậy, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà D vì bà không sử dụng, không vay số tiền này mà chỉ ký làm chứng việc bà D cho bà Nh vay tiền ngày 12/7/2017.

Đối với số tiền 1.000.000.000đồng ngày 06/10/2017 bà có vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), chi nhánh Đà Lạt và bà đưa cho anh Tâm trực tiếp mang trả cho bà D tại cổng Ủy ban nhân dân xã Mê Linh nhưng không có giấy tờ gì. Nếu bà D không thừa nhận thì bà không có yêu cầu gì về số tiền này. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn ông Lê Anh M trình bày:* Ông thống nhất với ý kiến của mẹ ông, ông và ông T, bà H chỉ ký giúp cho bà Nh để đến hạn trả nợ bà Nh không trả được thì ông, ông T và bà H sẽ đứng ra giải quyết chứ không phải có trách nhiệm trả, vì ông không vay tiền, không nhận tiền của bà D mà ông chỉ ký giấy ngày 12/7/2017 là ký giúp cho bà Nh. Trong giấy này cũng không ghi đã nhận số tiền 5.600.000.000đồng của bà D. Ông ký vào giấy ngày 12/7/2017 chỉ là ký làm chứng việc bà D cho bà Nh vay số tiền 5.600.000.000đồng. Sau đó các bên có trả tiền cho nhau bao nhiêu thì ông không biết. Trước đó ông cũng không bao giờ giao dịch vay tiền với bà D. Vì vậy, ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà D. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:* Ngày 12/7/2017 ông có lên nhà bà D ký giấy giúp cho bà Nh vay tiền của bà D. Ông lên ký xong rồi về chứ ông không vay tiền của bà D. Ông thống nhất với ý kiến của mẹ ông và ông không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của bà D. Vì ông chỉ ký xác nhận để bà D chuyển tiền cho bà Nh, dựa trên tình cảm gia đình chứ ông không vay tiền bà D. Đến ngày 06/10/2017 mẹ ông có vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), chi nhánh Đà Lạt số tiền 1.000.000.000đồng và mẹ ông có đưa cho ông trực tiếp mang trả cho bà D tại cổng Ủy ban nhân dân xã Mê Linh nhưng không viết giấy tờ gì. Mẹ ông chỉ nói trả cho bà D còn cụ thể thế nào ông không biết. Vì vậy, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà D. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Nh trình bày:* Ngày 12/7/2017 bà và bà D thỏa thuận việc bà vay 5.600.000.000đồng. Do bà ở xa nên trong này (Lâm Đồng) mẹ chồng bà là bà H, anh Minh và em Tâm có đứng ra ký nhận giúp bà số tiền trên. Bà vay số tiền này để mua cây xăng ở huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng. Hai bên thỏa thuận 15 ngày thì bà chuyển trả. Sau khi thỏa thuận thì bà D đã chuyển cho bà 5.600.000.000đồng nhưng do làm ăn không thuận lợi nên bà chưa trả được cho bà D số tiền trên.

Ngoài ra, ngày 07/7/2017 bà D có chuyển cho bà vay 1.500.000.000đồng (bà D đã khởi kiện bằng một vụ án khác). Sau đó, bà có gửi cho bà H nhiều lần tiền để trả nhưng bà không nhớ chính xác là bao nhiêu. Ngày 10/8/2017 bà chuyển vào tài khoản của bà D tiền gốc 2.000.000.000đồng. Ngoài ra, bà không trả khoản nào khác, nay bà còn nợ lại số tiền là 3.600.000.000đồng.

Việc bà D cho rằng số tiền 5.600.000.000đồng bà D chuyển cho bà vào ngày 12/7/2017, trùng ngày mà bà H, ông M, ông T ký giấy vay trong này là một khoản vay khác là không đúng mà bà H, ông M, ông T chỉ ký giấy giúp bà để bà D chuyển số tiền trên cho bà.

Nay bà D khởi kiện bà H, ông M, ông T trả số tiền 5.600.000.000đồng là không đúng, bà vay thì bà có trách nhiệm trả cho bà D tiền gốc và tiền lãi từ ngày 12/7/2017 đến ngày 10/8/2017 theo lãi suất ngân hàng. Từ ngày 10/8/2017 cho đến nay trên số tiền gốc còn nợ.

Đối với anh Nguyễn Anh T1 chồng bà không liên quan đến số tiền bà vay của bà D nên bà sẽ có trách nhiệm trả cho bà D số tiền bà còn nợ. Ngoài ra bà không còn yêu cầu gì khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị D, buộc bà Phạm Mỹ H, ông Nguyễn Thành T và ông Lê Anh M phải trả cho bà D 3.600.000.000đồng tiền gốc và 1.402.921.000đồng tiền lãi. Tổng cộng là 5.002.921.000đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị D về việc yêu cầu bà Phạm Mỹ H, ông Nguyễn Thành T và ông Lê Anh M phải trả cho bà D số tiền gốc và tiền lãi suất là 2.177.399.000đồng.

Về chi phí tố tụng: Do chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, nên buộc bị đơn phải chịu chi phí giám định.

Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu của bà D nên bà D phải chịu tiền án phí trên số tiền không được chấp nhận. Buộc ông T, ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa ông T1 vắng mặt đã được tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên cần căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt ông T1 là phù hợp.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Đào Thị D với bà Phạm Mỹ H, ông Nguyễn Thành T và ông Lê Anh M số tiền là 5.600.000.000đồng. Việc vay tiền các bên viết giấy ngày 12/7/2017 có thỏa thuận thời hạn trả, sau khi vay số tiền trên bà H, ông T, ông M không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà D theo thỏa thuận nên các bên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, cần căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là:*"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3].Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 12/7/2017 bà Phạm Mỹ H, ông Nguyễn Thành T và ông Lê Anh M có ký giấy vay số tiền là 5.600.000.000đồng của bà Đào Thị D. Việc vay tiền các bên viết giấy và thỏa thuận thời hạn thanh toán. Đến hạn trả bà D đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà H, ông T, ông M không trả số tiền cho bà D theo thỏa thuận. Bà D khởi kiện yêu cầu bà H, ông T, ông M phải trả 5.600.000.000đồng tiền gốc và 2.159.770.666đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử. Trong thời gian thụ lý, giải quyết vụ án bà H, ông T, ông M cũng thừa nhận: Ngày 12/7/2017 bà H, ông T và ông M có ký vào giấy vay 5.600.000.000đồng với bà D nhưng bà D không trực giao tiền cho bà H, ông T, ông M mà số tiền 5.600.000.000đồng bà D chuyển vào tài khoản cho bà Ngô Thị Nh (con dâu bà H) ở huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (BL 46). Do vậy bà H, ông T, ông M không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D đối với số tiền 5.600.000.000đồng và tiền lãi từ ngày vay cho đến ngày xét xử.

Xét thấy: Ngày 12/7/2017 bà Phạm Mỹ H, ông Nguyễn Thành T, ông Lê Anh M ký vào giấy vay số tiền 5.600.000.000đồng với bà Đào Thị D để bảo đảm cho giao dịch vay tiền giữa bà Đào Thị D với bà Ngô Thị Nh theo thỏa thuận từ trước. Sau khi bà H, ông M, ông T ký giấy vay ngày 12/7/2017 với bà D nhưng không nhận số tiền 5.600.000.000đồng mà số tiền 5.600.000.000đồng bà D chuyển số tiền vào tài khoản của bà Nh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Điện Biên, phòng giao dịch Nam Thanh là cùng một khoản tiền

(BL 46). Sau khi vay tiền, đến ngày 10/8/2017 bà Nh chuyển khoản trả cho bà D số tiền 2.000.000.000đồng (BL 38). Bà H, ông T, ông M ký giấy vay tiền ngày 12/7/2017 "*...Số tiền này để mua bán cây xăng, thời hạn vay là 15 kể từ ngày vay bên B có trách nhiệm trả đầy đủ số tiền cho bên A*" (BL 34) để bảo lãnh cho bà Ngô Thị Nh vay bà D số tiền 5.600.000.000đồng. Tại thời điểm bà H, ông T, ông M ký giấy vay tiền ngày 12/7/2017 với bà D và nhận trách nhiệm trả tiền cho bà D là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, có đủ năng lực hành vi dân sự nên bà H, ông T, ông M phải liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền 5.600.000.000đồng cho bà D là đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên: Trong thời gian thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Đào Thị D cũng thừa nhận: Ngày 10/8/2017 bà Ngô Thị Nh có chuyển trả số tiền là 2.000.000.000đồng vào tài khoản của bà D tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & phát triển Việt Nam, chi nhánh Lâm Đồng là giao dịch vay khác. Nhưng bà D không có chứng cứ, chứng minh việc bà cho bà Nh vay số tiền 5.600.000.000đồng từ giao dịch khác nên không có cơ sở để xem xét. Mà cần khấu trừ số tiền 2.000.000.000đồng bà Nh chuyển trả cho bà D ngày 10/8/2017 vào số tiền 5.600.000.000đồng mà bà H, ông T và ông M ký vào giấy vay ngày 12/7/2017 là có cơ sở chấp nhận.

Tại biên bản làm việc ngày 02/12/2020, bà D thừa nhận giọng nói lưu trữ trong USB mà ông T xuất trình là giọng nói của bà và ông T. Đến ngày 10/12/2020 Tòa án đã quyết định trưng cầu giám định nội dung cuộc hội thoại giữa bà D với ông T. Tại kết luận giám định số 2184/GĐ-PC09 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng giám định "*Dịch nội dung hội thoại lưu trong USB"*...Tại trang 3 dòng 20 từ trên xuống: *Giọng nữ* ...bây giờ là 8 tỷ mấy, "*nó chỉ mới chuyển cho chị 800 triệu tiền gốc còn đâu trả lãi*...", Như vậy, trong thời gian vay tiền bà Nh đã trả được cho bà D 800.000.000đồng tiền gốc. Do vậy cần khấu trừ 800.000.000đồng tiền gốc vào số tiền 5.600.000.000đồng là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận. Như vậy có cơ sở xác định bà Ngô Thị Nh đã trả cho bà Đào Thị D 02 lần với số tiền là 2.800.000.000đồng. Số tiền gốc còn nợ lại 2.800.000.000đồng cần buộc bà H, ông T, ông M phải trả cho bà D và tiền lãi phát sinh cụ thể như sau:

- Từ ngày 12/7/2017 đến ngày 10/8/2017 là 28 ngày. 5.600.000.000đ x 0.83%/tháng x 28 ngày : 30 = 43.381.333đồng.

- Từ ngày 11/8/2017 đến ngày 26/5/2021 là 45 tháng 14 ngày. 2.800.000.000đ x 0.83%/tháng x 45 tháng = 1.045.800.000đồng. 2.800.000.000đ x 0.83%/tháng x 14 ngày : 30 = 10.845.333đồng.

Buộc bà H, ông M, ông T phải trả 1.100.026.666đồng tiền lãi cho bà D là phù hợp với quy định của pháp luật. (2.8000.000.000đồng + 1.100.026.666đồng = 3.900.026.666đồng).

Đối với người có liên quan bà Ngô Thị Nh cho rằng: Ngày 12/7/2017 bà thỏa thuận với bà D vay số tiền 5.600.000.000đồng mua cây xăng ở huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, do bà ở xa nên thông qua bà H (mẹ chồng), ông T, ông M (anh em chồng) ký giấy vay 5.600.000.000đồng ngày 12/7/2017, cùng ngày bà D chuyển số tiền này vào tài khoản của bà tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh huyện Điện Biên, phòng giao dịch Nam Thanh. Đến ngày 10/8/2017 bà đã chuyển trả số tiền 2.000.000.000đồng, trước đó bà chuyển cho bà H trả tiếp 800.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi để khấu trừ vào số tiền 5.600.000.000đồng mà bà H, ông T, ông M ký giấy vay ngày 12/7/2017. Nay bà chỉ còn nợ bà D 2.800.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi. Nhưng bà D không khởi kiện bà về việc vay số tiền 5.600.000.000đồng ngày 12/7/2017. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Đối với bà H, ông T, ông M là người ký giấy vay tiền giúp bà Nh thì các bên tự thỏa thuận việc trả tiền với nhau. Nếu không thỏa thuận được mà phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[4]. Về chi phí tố tụng: Đồng bị đơn ông T có đơn đề nghị trưng cầu giám định, dịch cuộc hội thoại giữa bà D với ông T tại Công an tỉnh Lâm Đồng. Chi phí cho việc giám định hết số tiền là 5.500.000đồng. Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn ông T nhận chịu toàn bộ số tiền này (đã được quyết toán xong).

[5]. Về án phí: Do không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc nguyên đơn (bà D) phải chịu 109.194.880đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 57.590.000đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007479 ngày 11/6/2020 của cơ quan chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Buộc bà D còn phải nộp 51.604.880đồng án phí dân sự sơ thẩm. (109.194.880đồng - 57.590.000đồng = 51.604.880đồng).

- Buộc ông T, ông M mỗi người phải nộp 51.000.200đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông T có đơn xin miễn, giảm án phí dân sự sơ thẩm do hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, giảm cho ông T ½ tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp. Buộc ông T còn phải nộp 25.500.100đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H có đơn xin miễn, giảm án phí dân sự sơ thẩm do hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, hiện nay bà H đã 68 tuổi, là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi. Vì vậy, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị D. Buộc bà Phạm Mỹ H, ông Nguyễn Thành T, ông Lê Anh M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đào Thị D tổng số tiền là: 3.900.026.666đồng *(Ba tỷ chín trăm triệu không trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)*. Trong đó có 2.800.000.000đồng *(Hai tỷ tám trăm triệu đồng)* tiền gốc và 1.100.026.666đồng (*Một tỷ một trăm triệu không trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)* tiền lãi. Chia cho từng người cụ thể như sau:

- Bà Phạm Mỹ H phải trả cho bà Đào Thị D tổng số tiền là: 1.300.008.888đồng *(Một tỷ ba trăm triệu không trăm lẻ tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng)*. Trong đó 933.333.333đồng đồng *(Chín trăm ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)* tiền gốc và 366.675.555đồng *(Ba trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng)* tiền lãi.

- Ông Nguyễn Thành T phải trả cho bà Đào Thị D tổng số tiền là: 1.300.008.888đồng *(Một tỷ ba trăm triệu không trăm lẻ tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng)*. Trong đó 933.333.333đồng đồng *(Chín trăm ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)* tiền gốc và 366.675.555đồng *(Ba trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng)* tiền lãi.

- Ông Lê Anh M phải trả cho bà Đào Thị D tổng số tiền là: 1.300.008.888đồng *(Một tỷ ba trăm triệu không trăm lẻ tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng)*. Trong đó 933.333.333đồng đồng *(Chín trăm ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)* tiền gốc và 366.675.555đồng *(Ba trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng)* tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

2. Về chi phí tố tụng: Ông T nhận chịu 5.500.000đồng tiền chi phí tố tụng cho việc giám định. (Ông T đã nộp đủ và đã được quyết toán xong).

3. Về án phí: Buộc bà Đào Thị D phải nộp 109.194.880đồng *(Một trăm lẻ chín triệu một trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp 57.590.000đồng *(Năm mươi bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng)*, theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007479 ngày 11/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Bà Đào Thị D còn phải nộp 51.604.880đồng *(Năm mươi mốt triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn tám trăm tám mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Lê Anh M phải nộp 51.000.200đồng *(Năm mươi mốt triệu không trăm nghìn hai trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Nguyễn Thành T phải nộp 25.500.100đồng *(Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn một trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Mỹ H.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/5/2021) các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn